TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HS-ST
Ngày 11-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phan Công Trí**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Thạch Hương**.

Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành thố B, tỉnh Bạc Liêu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành thố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tố Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành thố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN B (tên gọi khác: Cướp B, Trung, Nguyễn Thanh P), sinh năm 1985 tại tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Khóm 5, Phường 2, thành thố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh B, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1960; vợ tên Trương Mỹ P, sinh năm 1985 và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp kết án 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 03/2013/HS-ST (tại bản án này bị cáo khai tên là Nguyễn Thanh P, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Cầu số 1, xã Vân Khánh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Vĩnh Lợi, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang, có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ P và 02 con, cha tên Nguyễn Thanh B); ngày 28/6/2002, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bạc Liêu kết án 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 25/HSST; ngày 19/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp kết án 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 40/2019/HS-ST; ngày 29/7/2004, bị Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản + Gây rối trật tự công cộng tại Quyết

định số 32/QĐ-UBND; bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam trong một vụ án khác từ ngày 14/3/2019 đến nay tại Công an huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị hại: Anh **Trần Ngọc V**, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Số 5/113, Khóm 5, Phường 2, thành thố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Khóm 5, Phường 2, thành thố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/02/2008, bà Trần Thị C gửi đơn đến Công an thị xã B tố giác Trần Văn B có hành vi chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu DAME, B số 94F5-4038 của ông Trần Ngọc V là con của bà.

Qua làm việc với ông Trần Ngọc V, bà Trần Thị C và Trần Thị L (chị dâu của V) xác định: Bị cáo Trần Văn B và Trần Ngọc V là anh em bà con cô cậu ruột. Khoảng 16 giờ ngày 07/02/2008, ông V điều khiển xe mô tô 94F5-4038 về dựng xe trước nhà, không có rút chìa khóa rồi đi vào nhà. Một lúc sau, B đi vào nhà rủ V nhậu và mượn xe 94F5-4038 để đi mua bia, ông V không đồng ý và đi ra sau nhà đi vệ sinh. B đi ra trước nhà nói với bà Trần Thị C đang ngồi cách vị trí dựng xe khoảng 03 mét là *"Con mượn xe đi ra đây"*. Lúc này, bà C đang ẵm cháu nhỏ la lên *"Không cho mượn xe"* nhưng B vẫn điều khiển xe 94F5-4038 chạy đi mất. Đến nay, Cơ quan điều tra không thu hồi được xe mô tô 94F5-4038.

Sau khi lấy được xe 94F5-4038, Trần Văn B đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 14/3/2019 thì bị bắt theo quyết định truy nã của Công an huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Qua làm việc, Trần Văn B không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng quá trình điều tra đã đủ căn cứ chứng minh Trần Văn B đã thực hiện hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản của ông Trần Ngọc V vào ngày 07/02/2008.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 41 ngày 23/5/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định: "01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dame, loại C100, B số 94F5-4038, màu sơn: Nâu, số máy 150FM-3070734, số khung C100MP3070734. Tính đến ngày 07/02/2008 có giá trị thành tiền là: 2.530.000 đồng".

Tại bản Cáo trạng số 88/CT-VKSTPBL ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành thố B truy tố bị cáo Trần Văn B về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 137, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản".

+ Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 172, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong.

+ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Văn B trình bày: Sau khi lấy xe mô tô của anh V, bị cáo điều khiển xe đi lại cửa hàng tạp hóa mua đồ thì bị mất nên bị cáo đã bỏ trốn đến khi bị bắt theo lệnh truy nã. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã lấy xe mô tô của anh V.

- Bị hại là anh Trần Ngọc V trình bày: Khoảng 16 giờ ngày 07/02/2008, anh điều khiển xe mô tô mang B kiểm soát số 94F5-4038 về dựng xe trước cửa nhà nhưng không rút chìa khóa. Bị cáo B đến rủ nhậu và mượn xe đi mua bia nhưng anh V không đồng ý. Trong lúc anh V ở nhà sau thì bị cáo đi ra nhà trước gặp bà C là mẹ của anh V tiếp tục hỏi mượn xe, bà C lúc này đang bồng cháu nhỏ không cho mượn và anh bận công việc nhà sau không ra kịp, nên bị cáo B lên xe đề máy chạy đi và bỏ trốn luôn. Anh đã nhận tiền do mẹ của bị cáo là bà Trần Thị H bồi thường 2.600.000 đồng, anh yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành thố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành thố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn B, bị hại Trần Ngọc V không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị hại, người làm chứng và lời thừa nhận của bị cáo Trần Văn B có lấy chiếc xe mô tô mang B kiểm soát số 94F5-4038 của anh Trần Ngọc V trị giá 2.530.000 đồng khi anh V đang đậu xe trước nhà. Mặc dù, anh Vũ biết và không đồng ý cho mượn xe, bà C là mẹ của anh V đang ở nhà trước thấy và không đồng ý cho bị cáo mượn xe, nhưng lợi dụng lúc bà C đang giữ cháu và anh V đang ở nhà sau không thể ngăn cản được, trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên bị cáo đã điều khiển xe đi nhằm mục đích chiếm đoạt vào ngày 07/02/2008 tại Khóm 5, Phường 2, thị xã B (thành thố B), tỉnh Bạc Liêu. Trước và sau khi bỏ trốn, bị cáo Trần Văn B đã nhiều lần phạm tội tại các địa phương khác nhau như huyện LV, huyện CT của tỉnh Đồng Tháp, huyện VL của tỉnh Bạc Liêu và đã khai họ tên khác nhằm che giấu cơ quan tiến hành tố tụng.

[3] Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Văn B có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; khi thực hiện hành vi bị cáo biết rõ hành vi

của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" mở rộng áp dụng nhiều loại hình phạt không tước tự do và định lượng giá trị tài sản bị chiếm đoạt cũng tăng lên so với Bộ luật Hình sự năm 1999 thì quy định tại Bộ luật mới nhẹ hơn, nên áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo.

Tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

..."

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn B đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khắc phục hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo có nhân thân xấu, chưa thực sự thấy được lỗi của mình trong các lần thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, cho nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, có thời gian dài cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để bị cáo nhận thức được sự việc nào đúng, sự việc nào sai từ đó có hành động tích cực, phù hợp với đạo đức xã hội, pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị H là mẹ ruột của bị cáo đã bồi thường cho anh V số tiền 2.600.000 đồng. Anh V không có yêu cầu nào khác, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn B bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 172, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn B 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo : Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Án xử công khai, báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/10/2019). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Phan Công Trí

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. B;
- Nhà Tạm giữ Công an Tp.B;
- Công an Tp.B;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Tp.B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.